

QUẢN TRỊ RỦI RO CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG Ở CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

TS. Nguyễn Thị Lan Anh*

Việc quản trị rủi ro chất lượng tín dụng là rất cần thiết đối với ngân hàng thương mại (NHTM). Trên cơ sở phân tích kinh nghiệm quản trị rủi ro trong NHTM của một số quốc gia trên thế giới, bài viết đưa ra các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam về quản lý chất lượng tín dụng của NHTM.

• Từ khóa: quản trị rủi ro tín dụng, ngân hàng thương mại.

Credit quality risk management is essential for commercial banks. Based on the analysis of risk management experience in commercial banks of some countries in the world, the article provides lessons for Vietnam on credit quality management of commercial banks.

• Key words: credit risk management, commercial banks.

JEL code: F65

Ngày gửi bài: 03/02/2025

Ngày gửi phân biên: 24/02/2025

Ngày nhận kết quả và sửa phân biên: 14/4/2025

Ngày chấp nhận đăng: 15/5/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i289.22>

Giới thiệu

Việc nâng cao chất lượng tín dụng là yêu cầu bức thiết bởi tín dụng là hoạt động nghiệp vụ mang lại thu nhập chính cho mỗi ngân hàng, song rủi ro của nó cũng là lớn nhất. Khi rủi ro tín dụng (RRTD) quá cao sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh ngân hàng. Bởi vậy, việc học tập kinh nghiệm trong việc quản trị RRTD của các NHTM ở các quốc gia phát triển sẽ là bài học đối với các NHTM Việt Nam.

Kinh nghiệm quản trị RRTD của các NHTM trên thế giới

Kinh nghiệm của Mỹ

Thứ nhất, Ngân hàng Trung ương của Mỹ tiến hành cơ cấu lại các ngân hàng và hệ thống tài chính trong nước; cơ cấu lại hệ thống quản trị rủi ro của các ngân hàng, đặc biệt là tăng cường hệ thống kiểm tra, giám sát. Các NHTM quy định lại các hệ số bảo đảm an toàn, cơ cấu lại các khoản vay, cắt giảm nhân viên, tiết kiệm chi phí, chấn chỉnh lại các quy định nội bộ...

Thứ hai, tiến hành quốc hữu hóa các NHTM trên diện rộng, Nhà nước mua lại các khoản nợ xấu của ngân hàng, mua lại cổ phần chi phối và nắm quyền điều hành cho đến khi ngân hàng hoạt động bình thường sẽ lại bán ra thị trường. Ngoài ra, Chính phủ cũng khuyến khích các ngân hàng, các tổ chức tài chính mua lại các NHTM đổ vỡ và phá sản (Nguyễn Đại Lai, 2020).

Thứ ba, các NHTM đã chú trọng việc thẩm định khoản vay hơn là việc kiểm soát khoản vay. Việc cắt giảm hoặc làm tắt trong quá trình thẩm định sẽ dẫn đến khoản nợ xấu. Thêm vào đó, cho vay các khoản nợ có rủi ro sẽ không đáng nếu tính đến khối lượng công việc phải thực hiện để khoản vay không bị quá hạn. Hơn nữa, các NHTM đã sử dụng phương pháp chấm điểm tín dụng nhằm đánh giá đúng tình trạng của từng bên vay. Cụ thể: Việc chấm điểm tín dụng sẽ căn cứ vào công thức có sẵn để đo lường và tiên đoán về mức độ rủi ro của các khách hàng tiềm năng, được thiết kế để cải tạo quy trình thẩm định khoản vay. Thông thường, chấm điểm tín dụng theo cách truyền thống thường được sử dụng cho vay tiêu dùng, khi dựa vào đó để duyệt khoản tín dụng thẻ hoặc tín dụng để mua ô tô, họ là khách hàng tiềm năng trong một chuỗi khách hàng.

Thứ tư, các NHTM đã yêu cầu bên vay phải chứng tỏ được kinh nghiệm của mình trong kinh doanh, phải cung cấp thế chấp cả tài sản cá nhân và tài sản doanh nghiệp cho dù là tài sản đảm bảo có cần thiết hay không, để tạo ra động lực về tâm lý cho bên vay đối với khoản vay.

Thứ năm, các NHTM đã tập trung quyết định cho vay để bảo đảm tính thống nhất và kiểm soát. Mặc dù các bên cho vay nhỏ hoặc lớn có thể khác nhau về phương pháp xem xét khoản vay, cả 2 đều yêu cầu có ít nhất một cán bộ, không phải là cán bộ thẩm định khoản vay, để xem xét lại khoản vay

* Trường Đại học Tây Bắc; email: lananhsonla@gmail.com

và đưa ra quyết định phê duyệt cuối cùng. Kết cấu này loại bỏ việc ra quyết định phê duyệt cuối cùng từ nhiều cán bộ rải rác, mà tập trung việc phê duyệt vào một cán bộ hoặc một nhóm để đảm bảo tính thống nhất, kiểm soát và hiệu quả trong thẩm định khoản vay.

Thứ sáu, các NHTM đã yêu cầu cán bộ cho vay phải có trách nhiệm với khoản vay mà họ cho vay. Quyết định tín dụng chỉ tốt khi thông tin trình bày, việc phân tích phải đầy đủ, đa số các đơn vị cho vay đều tin vào trách nhiệm của cán bộ cho vay. Mặc dù không có đơn vị nào nhấn mạnh về việc phạt các cán bộ khi có nợ khó đòi, nhưng đa số trường hợp các cán bộ cho vay phải hỗ trợ việc thu hồi các khoản vay khó đòi.

Thứ bảy, các NHTM đã áp dụng hệ số tín nhiệm cho các khoản vay mới và thẩm định lại hệ số này theo định kỳ trong suốt thời hạn của khoản vay. Theo đó, các NHTM ở Mỹ có một hệ thống chấm hệ số tín nhiệm hoặc có kế hoạch để tạo ra một chương trình chấm điểm. Trong một chương trình điển hình, một khoản vay mới sẽ được áp dụng một giá trị bằng số thể hiện mức rủi ro vào thời điểm thẩm định khoản vay. Trong suốt thời gian vay vốn, con số này có thể được duyệt lại, căn cứ vào lịch sử trả nợ của bên vay và các yếu tố khác. Khi có trục trặc được tìm ra, cần có cách để nhận ra và theo dõi các khoản nợ xấu. Hệ thống này khác với chấm điểm tín dụng, được sử dụng trước đó để ra quyết định vay vốn.

Thứ tám, các NHTM đã xác định nợ xấu sớm và tăng cường các nỗ lực thu hồi nợ rất mạnh mẽ; luôn theo dõi để xác định sớm những dấu hiệu của khoản vay xấu trong tương lai. Cách tốt nhất để xác định sớm các dấu hiệu là luôn giữ mối liên hệ với khách hàng, không đợi cho đến khi khoản vay trở nên quá hạn. Sự tích cực xác định và tìm kiếm khả năng thu hồi các khoản nợ chỉ trong vài ngày kể từ khi khoản vay bị trễ có thể làm giảm thời gian cần có tiêu tốn vào các động tác thu hồi nợ và cho phép các bên cho vay điều chỉnh thời hạn trả nợ hoặc giải quyết các vấn đề khác của bên vay sớm.

Kinh nghiệm của Trung Quốc

Từ năm 2008, bối cảnh của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, Trung Quốc đã vạch ra được kế hoạch tổng thể và đồng bộ, gắn việc tái cấu trúc hệ thống ngân hàng với tiến trình tái cấu trúc hệ thống các doanh nghiệp nhà nước, tái cơ cấu các khoản nợ của những doanh nghiệp này, chuyển đổi mô hình kinh doanh ngân hàng, tăng cường chất lượng quản

trị, giám sát tổng thể thị trường tài chính, tiếp thu áp dụng kinh nghiệm của nước khác một cách có chọn lọc... (Thái Bình, 2023). Có thể nói, Trung Quốc đã thành công trong việc kiểm soát các khoản tín dụng cho vay bởi 5 yếu tố then chốt trong công cuộc cải cách hệ thống ngân hàng ở Trung Quốc một cách hiệu quả, bao gồm: Giải quyết triệt để các khoản nợ xấu, nợ dưới chuẩn trong đó có tỷ lệ lớn là nợ ở khối doanh nghiệp nhà nước; Tăng cường năng lực quản trị ngân hàng bao gồm cả về tổ chức, nhân sự; thu hút các nhà đầu tư chiến lược; Đưa ngân hàng niêm yết ở trong nước và nước ngoài, một mặt giúp các ngân hàng tăng vốn; mặt khác, buộc các ngân hàng tự đẩy mạnh tái cấu trúc để tuân thủ các chuẩn mực quốc tế theo yêu cầu của thị trường; Sử dụng vốn huy động mới để tăng cường đầu tư vào hệ thống công nghệ, quản trị rủi ro để nâng cao hiệu quả hoạt động cho các ngân hàng.

Đến năm 2024, theo báo cáo tài chính bán niên của 18 ngân hàng hàng đầu Trung Quốc, các ngân hàng lại đang phải đối mặt với tỷ lệ nợ xấu tăng cao - một chỉ số về chất lượng tài sản và RRTD của ngân hàng - trong lĩnh vực bất động sản, với tỷ lệ nợ xấu trung bình là 2,79%. Tỷ lệ nợ xấu liên quan đến cho vay bất động sản trung bình của 4 ngân hàng lớn do nhà nước sở hữu - Ngân hàng Công thương Trung Quốc (ICBC), Ngân hàng Nông nghiệp Trung Quốc, Ngân hàng Trung Quốc và Ngân hàng Xây dựng Trung Quốc là 5,2%. Mức này giảm nhẹ so với mức 5,5% vào cuối năm 2023, nhưng vẫn ở mức cao so với tỷ lệ nợ xấu trung bình chung 1,56% vào cuối tháng 6. Cụ thể, Ngân hàng Nông nghiệp Trung Quốc có tỷ lệ nợ xấu trong lĩnh vực bất động sản cao nhất, ở mức 5,42%. ICBC, ngân hàng có quy mô tài sản lớn nhất Trung Quốc, đã ghi nhận tỷ lệ nợ xấu là 5,35% (V.A, 2024).

Trước tình hình này, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc đã cam kết “bảo vệ đất nước trước các rủi ro tài chính hệ thống”. Theo đó, để quản lý rủi ro trong lĩnh vực bất động sản, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc đã hạ thấp yêu cầu thanh toán trả tiền và lãi suất vay thế chấp, đồng thời đưa ra các chương trình tái cấp vốn để hỗ trợ việc mua lượng nhà ở tồn kho hiện có. Trong đó, Ngân hàng đầu tư UBS đã cắt giảm ước tính tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội năm 2024 của Trung Quốc từ 4,9% xuống 4,6% vào tuần trước, đồng thời hạ ước tính tăng trưởng năm tới 0,6 điểm phần trăm xuống còn 4%. Bởi, theo Ngân hàng đầu tư UBS, sự sụt giảm liên tục trong lĩnh vực bất động sản và giá bất động sản là lực cản chính đối với nền kinh tế, đặc biệt là

niềm tin của người tiêu dùng và doanh nghiệp (V.A, 2024).

Kinh nghiệm của Hàn Quốc

Theo nghiên cứu của Đào Minh Tú (2017), sau khủng hoảng tài chính châu Á, các NHTM Hàn Quốc tích cực cải tổ hệ thống ngân hàng, cơ cấu lại các công ty các tập đoàn lớn. Đặc biệt, việc tái cơ cấu các khoản nợ xấu của hệ thống NHTM Hàn Quốc được thể hiện qua các công cụ sau:

- Thực hiện kế hoạch cơ cấu nợ và tái cấu trúc vốn cho các nhóm tài phiệt ở Hàn Quốc (Chaebol) bằng cách buộc các Chaebol lớn giảm bớt một số công ty con không hiệu quả, loại bỏ những công ty phụ thuộc, nên tập trung vào các ngành kinh doanh chính yếu nhằm hạn chế khả năng sản xuất thừa.

- Sắp xếp, hợp nhất một số công ty kinh doanh, như: buộc Samsung và Daewoo trao đổi công ty xe hơi và điện tử cho nhau, yêu cầu LG và Hyundai hợp nhất công ty điện tử của mình.

- Tiến hành tự do hóa cán cân thanh toán vốn, khuyến khích tư bản nước ngoài mua lại các doanh nghiệp trong nước, mở cửa 11 trong 42 ngành, mà không cho phép nước ngoài đầu tư vào, tự do hóa việc vay vốn ngắn hạn của các doanh nghiệp, cho phép người nước ngoài mua bất động sản trong nước.

- Cải cách công tác quản trị ngân hàng và doanh nghiệp, từng bước hạn chế phương thức thống trị gia đình, bãi bỏ quy định không cho người nước ngoài làm giám đốc, doanh nghiệp phải công bố công khai thông tin tài chính.

Thực trạng quản trị RRTD tại Việt Nam

Nhằm hỗ trợ công tác quản trị RRTD, Luật Các tổ chức tín dụng (năm 2010) và Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung (năm 2017) đã đưa ra nhiều quy định mới về tổ chức quản trị điều hành trong ngân hàng. Hầu hết các ngân hàng đã xây dựng được mô hình tổ chức theo thông lệ quốc tế, chú trọng quản trị rủi ro nói chung, trong đó có quản trị RRTD. Cụ thể, tất cả các ngân hàng đều hình thành Ủy ban quản trị rủi ro, với vai trò tư vấn cho hội đồng quản trị, hội đồng thành viên về quản trị rủi ro. Về phía các NHTM, phần lớn các ngân hàng đã xây dựng được các định hướng chiến lược trong cấp tín dụng.

Nhờ những biện pháp quản trị RRTD hiện đại nên trong nhiều năm qua, tỷ lệ nợ xấu của các NHTM có xu hướng giảm. Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước (2025), tính đến hết năm 2024,

tổng số nợ nhóm 2 (các khoản vay có dấu hiệu cảnh báo rủi ro) tại các NHTM là hơn 211.709 tỷ đồng, chiếm 1,25% tổng dư nợ. Con số này đã giảm 7% so với cuối năm 2023. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, nhìn chung, các ngân hàng vẫn đang gặp khó khăn trong việc xử lý nợ xấu nội bảng cũng như việc thu hồi nợ. Theo Ngân hàng Nhà nước (2025), nợ xấu nội bảng của các NHTM tính đến ngày 31/12/2024 ở mức hơn 733.904 tỷ đồng, tăng 3,4% so với cuối năm 2023. Báo cáo của Ngân hàng Nhà nước cũng chỉ ra một số ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu nội bảng trên 3%, gồm có: MBV (7,18%), GPBank (15,87%), VCBNeo (43,76%), DongA Bank (46,1%), NCB (16,69%) và SCB (98,50%).

Nguyên nhân của tình trạng này là do: Nhiều quy định, chính sách chưa kịp điều chỉnh và thay đổi, cũng như chưa phù hợp với nguyên tắc kinh tế thị trường và các thông lệ, chuẩn mực quốc tế, còn khá nhiều nghiệp vụ có tác dụng giảm thiểu và phân tán rủi ro chưa được đưa vào áp dụng rộng rãi, các chuẩn mực quốc tế về kiểm toán và giám sát hoạt động ngân hàng chưa đủ khả năng áp dụng - là những yếu tố chứa đựng nhiều tiềm ẩn nguy cơ rủi ro cho các NHTM Việt Nam khi tham gia vào các “sân chơi” quốc tế lớn. Bản thân các NHTM Việt Nam năng lực tài chính còn yếu kém, trình độ quản lý kinh doanh còn non yếu, thu nhập từ hoạt động tín dụng vẫn chiếm tỷ lệ cao (trên 60%) và cho vay chủ yếu dựa vào tài sản đảm bảo. Công tác quản trị RRTD còn nhiều hạn chế, bất cập.

Một số bài học cho Việt Nam

Dựa trên kinh nghiệm của các quốc gia nói trên và thực trạng quản trị RRTD ở các NHTM tại Việt Nam, theo tác giả, cần rút ra một số bài học như sau:

Về phía Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Một là, giám sát chặt chẽ chất lượng tín dụng, tránh dẫn đến sự phát triển quá mức của thị trường tín dụng sẽ kéo theo việc đầu tư dư thừa vào một số ngành kinh tế, việc dư thừa nguồn tín dụng còn dẫn đến tình trạng lãng phí, nó cũng tạo ra sự phát triển bong bóng, như: thị trường bất động sản, chứng khoán từ đó dẫn đến dư thừa tín dụng và khi “bong bóng” vỡ, các ngân hàng phải hứng chịu hậu quả.

Hai là, xây dựng hệ thống quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế. Hiện nay, bên cạnh Basel II, nhiều ngân hàng Việt Nam cũng đã áp dụng Basel III, IFRS 9. Đây là chuẩn mực quốc tế giúp các ngân hàng nâng cao quản trị rủi ro và cạnh tranh hơn

so với các đối thủ cùng Ngành. Bên cạnh đó, điều này cũng góp phần giúp hệ thống tổ chức tín dụng nói chung phát triển hiệu quả và bền vững. Theo đó, để triển khai Basel III tại Việt Nam thành công, cần: Nâng cao chất lượng dữ liệu của Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam (CIC); Hoàn thiện phương pháp xếp hạng tín dụng. Hiện nay, theo hướng dẫn của Hiệp ước an toàn vốn Basel III, hệ thống xếp hạng tín nhiệm nội bộ phải được xây dựng cho từng nhóm khách hàng với những tính chất rủi ro đặc thù khác nhau; Nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm toán nội bộ và năng lực giám sát; Xây dựng chiến lược đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực trung và dài hạn có đủ khả năng đón đầu phát triển hệ thống NHTM Việt Nam trong thời gian tới; Các NHTM cần quan tâm cải thiện hiệu suất kinh doanh, tăng lợi nhuận sau thuế, tăng vốn đệm, đặc biệt chú trọng hệ số an toàn vốn. Bên cạnh đó, quan tâm hơn đến việc xử lý RRTD; tính thị trường của các rủi ro liên quan đến tài sản ngân hàng đang nắm giữ, sau đó tiến đến một lộ trình phù hợp để triển khai thực hiện Basel III.

Về phía các NHTM

Thứ nhất, xây dựng bộ máy tập hợp tất cả các bộ phận cấu thành trong quy trình tín dụng chịu trách nhiệm thu thập và xử lý các thông tin liên quan đến khách hàng tín dụng, giám sát việc thực hiện quy trình tín dụng và đảm bảo chất lượng của khoản vay. Cần tách bạch, phân công rõ chức năng các bộ phận và tuân thủ các khâu trong quy trình cho vay.

Thứ hai, áp dụng mô hình định lượng hoặc kết hợp với mô hình định tính và định lượng để chấm điểm tín dụng khách hàng, từ đó đưa ra các quyết định cho vay, qua đó hạn chế rủi ro của NHTM.

Thứ ba, thực hiện nghiêm túc việc giám sát khoản vay. Sau khi giải ngân vốn NHTM cần coi trọng kiểm tra, giám sát khoản vay thông qua thu thập thông tin về khách hàng, giám sát và đánh giá xếp loại khách hàng thường xuyên, định kỳ để có biện pháp xử lý kịp thời rủi ro có thể xảy ra ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng của NHTM.

Thứ tư, ngân hàng còn phải phân loại mức độ rủi ro hoạt động theo cấp độ quan trọng từ thấp đến cao trong hoạt động của mình và xác định các cấp độ báo cáo cho phù hợp. Đồng thời, đưa ra những phương pháp hoặc cách thức để đánh giá và kiểm soát rủi ro ở nhiều mức độ khác nhau (cấp lãnh đạo, quản lý hay cán bộ...). Việc đánh giá và kiểm soát rủi ro phải được diễn ra thường xuyên và áp dụng

cho toàn bộ các phòng/ban, nghiệp vụ kinh doanh trong hệ thống.

Thứ năm, ngân hàng cần sớm xây dựng hệ thống báo cáo nhằm đáp ứng các yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước cũng như đáp ứng nhu cầu quản trị nội bộ. Theo Basel II, ban lãnh đạo ngân hàng nên triển khai một quy trình để thường xuyên giám sát hồ sơ rủi ro hoạt động và các nguy cơ trọng yếu có thể gây ra tổn thất. Cơ chế báo cáo phù hợp cần phải có ở cấp độ hội đồng quản trị, ban điều hành, đơn vị kinh doanh nhằm tạo điều kiện chủ động quản trị rủi ro hoạt động.

Thứ sáu, cần chú trọng công tác quản trị nội bộ, giúp ngân hàng chủ động nắm bắt những biến động trên thị trường, nhìn nhận được dấu hiệu rủi ro và cảnh báo sớm rủi ro. Để quản trị nội bộ tốt, ban lãnh đạo cần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng trong quản trị rủi ro hoạt động của ngân hàng, thường xuyên cập nhật quá trình đánh giá rủi ro hoạt động, đặc biệt những rủi ro trong phát triển sản phẩm mới, hoặc triển khai một hoạt động kinh doanh mới.

Thứ bảy, các NHTM cần nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm toán nội bộ. Định kỳ, kiểm toán nội bộ đánh giá hoạt động kinh doanh, tập trung vào các rủi ro chiến lược và rủi ro hoạt động, từ đó đưa ra các khuyến nghị để cấp quản lý rà soát, xác định và giải quyết. Yêu cầu bộ phận kiểm toán nội bộ phải có hiểu biết toàn diện về toàn bộ hoạt động ngân hàng, các vấn đề pháp lý và quy định.

Thứ tám, cần xây dựng công nghệ thông tin hiện đại. Tổ chức tốt hệ thống thông tin tín dụng sẽ hỗ trợ đắc lực cho công tác xếp hạng tín dụng nội bộ và thẩm định khách hàng vay, giúp hạn chế phòng ngừa rủi ro ngay từ khâu thẩm định hồ sơ vay để quản lý chất lượng tín dụng ngân hàng. Xây dựng nền tảng vững chắc và tận dụng hiệu quả hệ thống quản lý thông tin trong quá trình quản lý và phát mại tài sản./.

Tài liệu tham khảo:

- Đào Minh Tú (2017), Kinh nghiệm của Hàn Quốc về tái cơ cấu ngân hàng và xử lý nợ xấu, *Tạp chí Ngân hàng*, số 23, tháng 12/2017.
- Nguyễn Đại Lai (2020), Từ những bài học quản lý rủi ro của hệ thống NHTM Mỹ đến bài học cho hệ thống ngân hàng Việt Nam, truy cập từ <https://doanhnghiephoainhap.vn/quan-tri-rui-ro-tin-dung-bao-dam-an-ninh-an-toan-he-thong-ngan-hang-viet-nam-rui-ro-tu-nhung-bai-hoc.html>.
- NHNN (2025), Báo cáo của NHNN tại Hội nghị Thường trực Chính phủ làm việc với các NHTM để tăng tốc, bứt phá, thúc đẩy tăng trưởng và kiểm soát lạm phát, ngày 11/2/2025.
- Nguyễn Thị Lan Anh (2025), Quản trị rủi ro tín dụng ở các ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số đặc biệt tháng 2/2025.
- Quốc hội (2024), Luật Các tổ chức tín dụng, số 32/2024/QH15, ngày 18/01/2024.
- Thái Bình (2023), Trung Quốc thắt chặt quản lý rủi ro ngân hàng, truy cập từ <https://vtv.vn/kinh-te/trung-quoc-that-chat-quan-ly-rui-ro-ngan-hang-2023021218230351.htm>
- V.A (2024), 3 năm sau cuộc khủng hoảng Evergrande, các ngân hàng chủ chốt của Trung Quốc vẫn phải vật lộn để hạn chế rủi ro tài sản, truy cập từ <https://thitruongtaichinhthiente.vn/3-nam-sau-cuoc-khung-hoang-evergrande-cac-ngan-hang-chu-chot-cua-trung-quoc-van-phai-vat-lon-de-han-che-rui-ro-tai-san-62409.html>.